

VỀ ĐIỀU KIỆN CÓ HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU KHOẢN LỰA CHỌN PHÁP LUẬT ÁP DỤNG CHO QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

TS. NGÔ QUỐC CHIẾN

Khoa Luật, Đại học Ngoại thương

Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015¹ đã có quy định minh thị cho phép các bên trong một số quan hệ dân sự (QHDS) có yếu tố nước ngoài (YTNN) được lựa chọn pháp luật áp dụng cho quan hệ của mình. Tuy nhiên, BLDS 2015 cũng như các văn bản pháp luật khác của Việt Nam không có bất kỳ quy định cụ thể nào về thỏa thuận lựa chọn pháp luật. Câu hỏi đặt ra là, để có hiệu lực, điều khoản lựa chọn pháp luật áp dụng phải tuân thủ các điều kiện gì về nội dung và hình thức (2)? Điều gì sẽ xảy ra đối với thỏa thuận lựa chọn pháp luật khi hợp đồng chứa nó bị vô hiệu (3)? Trước khi trả lời các câu hỏi này, có lẽ cần nhắc lại quyền lựa chọn pháp luật áp dụng cho một số QHDS có YTNN theo các quy định mới của BLDS 2015 (1).

1. Quyền lựa chọn pháp luật áp dụng

Trong QHDS có YTNN, đặc biệt là trong quan hệ hợp đồng, việc cho phép các bên tự do lựa chọn pháp luật áp dụng là một quy định rất quan trọng được thừa nhận rộng rãi trên thế giới², trong các điều ước quốc tế, cũng như trong các đạo luật quốc gia. Thật vậy, trong lĩnh vực hợp đồng, trên bình diện quốc tế, Điều 3 Nghị định Rome năm 2008 của Liên minh châu Âu về luật áp dụng cho nghĩa vụ hợp đồng quy định: “Hợp đồng được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn”. Công ước Vienne về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980 của Liên hợp quốc (CISG)³, Quy tắc La Hay ngày 15/6/1955 về Luật áp dụng vào hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, Công ước Liên Mỹ về luật áp dụng đối với hợp đồng quốc tế năm 1994... cũng có quy định tương tự. Trên bình diện quốc gia, Điều 58 Bộ luật Tư pháp quốc tế của Cộng hòa Dominica ngày 18 tháng 12 năm 2014 quy định: “Hợp đồng được điều chỉnh bởi pháp luật do các bên lựa chọn. Thỏa thuận chọn pháp luật nằm trong hợp đồng, hoặc trong một văn bản riêng đến hợp đồng, hoặc có thể được suy ra từ hành vi rõ ràng của các bên”. Nhiều

quốc gia cũng có quy định tương tự⁴. Trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Điều 14 Nghị định Rome năm 2007 của Liên minh châu Âu về luật áp dụng cho nghĩa vụ ngoài hợp đồng quy định: “Các bên có thể lựa chọn luật áp dụng cho nghĩa vụ ngoài hợp đồng: a) bằng một thỏa thuận sau khi xảy ra sự kiện gây thiệt hại; hoặc b) trong quá trình thực hiện các hoạt động thương mại, bằng một thỏa thuận trước khi xảy ra sự kiện gây thiệt hại”. Nhiều quốc gia có các đạo luật về tư pháp quốc tế cũng có những quy định tương tự⁵.

Ở Việt Nam, khoản 1 Điều 769 BLDS 2005 quy định: “Quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước nơi thực hiện hợp đồng, nếu không có thỏa thuận khác”. Như vậy, khả năng lựa chọn pháp luật áp dụng của các bên trong quan hệ hợp đồng

1 Được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và sẽ chính thức có hiệu lực từ 01/01/2017.

2 Nguyễn Thị Hồng Trinh, Nguyên tắc tự do chọn pháp luật cho hợp đồng từ Công ước Rome 1980 đến Quy tắc Rome I và nhìn về Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 6 (167), tháng 3/2010. Xem thêm: Bureau Permanent de la Conférence de La Haye de droit international privé, Choix de la loi applicable aux contrats du commerce international. Des Principes de La Haye ?, Revue critique de droit international privé, 2010, p.83.

3 Việt Nam đã ký gia nhập ngày 18 tháng 12 năm 2015 và Công ước này sẽ chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam kể từ 1/1/2017.

4 Điều 29, Luật TPQT Venezuela năm 1998; Điều 62, Bộ luật TPQT Tunisie; Điều 2.637 BLDS Roumanie, Điều 38 Luật TPQT CH Monténégro ngày 23 tháng 12 năm 2013...

5 Symeon C. Symeonides, L'autonomie de la volonté dans les principes de La Haye sur le choix de la loi applicable en matière de contrats internationaux (Quyền tự do lựa chọn luật áp dụng trong các Nguyên tắc La Haye về lựa chọn luật áp dụng trong lĩnh vực hợp đồng quốc tế), Revue critique de droit international privé, 2013, tr. 807.

chỉ được suy ra từ quy định “nếu không có thỏa thuận khác”. Điều này có thể dẫn tới sự mất an toàn pháp lý, gây tâm lý e ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư vào Việt Nam⁶. Một số văn bản luật chuyên ngành như Bộ luật Hàng hải 2005, Luật Hàng không dân dụng 2006 (sửa đổi 2014) có quy định cho phép các bên lựa chọn pháp luật áp dụng, nhưng các quy định này có phạm vi hẹp, chỉ liên quan đến các quan hệ hợp đồng trong lĩnh vực hàng hải và hàng không dân dụng, nên không thể áp dụng mở rộng cho các loại hợp đồng khác. Đối với những quan hệ ngoài hợp đồng, không có bất kỳ quy định nào của pháp luật Việt Nam cho phép các bên được lựa chọn pháp luật áp dụng.

Trong bối cảnh đó, BLDS 2015 đã có cải cách quan trọng khi ghi nhận quyền lựa chọn pháp luật áp dụng trong hai nhóm quy định.

Nhóm quy định thứ nhất đặt ra nguyên tắc cơ bản, theo đó, “*pháp luật áp dụng đối với quan hệ dân sự có yếu tố nước ngoài được xác định theo lựa chọn của các bên*” (khoản 2 Điều 664 đặt trong chương XXV với tiêu đề “Quy định chung”).

Nhóm thứ hai bao gồm các quy định cho từng lĩnh vực chuyên biệt. Khoản 1 Điều 683 quy định: “*Các bên trong quan hệ hợp đồng được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng đối với hợp đồng...*”. Các bên cũng có thể thỏa thuận thay đổi pháp luật áp dụng đối với hợp đồng với điều kiện việc thay đổi đó “*không được ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba được hưởng trước khi thay đổi pháp luật áp dụng, trừ trường hợp người thứ ba đồng ý*” (khoản 6 Điều 683). Như vậy, cứ hợp đồng có YTNN⁷ là các bên được quyền tự do lựa chọn pháp luật mà không cần phân biệt đó là hợp đồng dân sự hay hợp đồng thương mại, hợp đồng mua bán hàng hóa hay hợp đồng cung cấp dịch vụ. Ngoài ra, cần lưu ý rằng, theo BLDS 2005 (đoạn 2 khoản 1 Điều 769), hợp đồng được giao kết và thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam thì các bên không được phép lựa chọn áp dụng pháp luật nước ngoài, vì hợp đồng đó “*phải tuân theo pháp luật Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Quy định này đã không còn tồn tại trong BLDS 2015. Như vậy, chỉ cần hợp đồng có YTNN là các bên có thể lựa chọn pháp luật áp dụng, mà không cần quan tâm đến việc hợp đồng đó có giao kết và thực hiện hoàn toàn tại Việt Nam hay không.

Quyền tự do lựa chọn pháp luật không chỉ giới hạn trong lĩnh vực hợp đồng, mà còn mở rộng sang một số quan hệ nghĩa vụ ngoài hợp đồng. Điều 686 BLDS 2015 quy định: “*Các bên được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho việc thực hiện công việc không có ủy quyền*”. Tương tự, về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, khoản 1 Điều 687 BLDS 2015 quy định: “*Các bên được thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng...*”. Quyền tự do này chỉ bị giới hạn trong trường hợp bên gây thiệt hại và bên bị thiệt hại có nơi cư trú, đối với cá nhân hoặc nơi thành lập, đối với pháp nhân tại cùng một nước. Khi đó, pháp luật của nước này được áp dụng (khoản 2 Điều 687 BLDS 2015).

Những quy định như vậy đã góp phần làm cho tư pháp quốc tế Việt Nam hài hòa với tư pháp quốc tế của nhiều quốc gia tiên tiến trên thế giới. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam lại không có các quy định cụ thể về các điều kiện có hiệu lực khi các bên trong QHDS có YTNN thực hiện quyền lựa chọn pháp luật của mình bằng một điều khoản lựa chọn pháp luật áp dụng.

2. Điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng

BLDS 2015 không có quy định nào về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho QHDS có YTNN. Bằng phương pháp áp dụng tương tự pháp luật⁸, ta có thể suy ra rằng thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng là một loại thỏa thuận hợp đồng, nên nó phải tuân thủ các quy định chung về giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định các điều kiện này theo hệ thống pháp luật nào? Khảo sát tư pháp quốc tế và thực tiễn xét xử của một số quốc gia trên thế giới, chúng tôi thấy có ba khả năng, đó là:

Thứ nhất, căn cứ vào pháp luật của nước có Tòa án xét xử vụ việc, hay còn gọi là *lex fori*, nghĩa là Tòa án được yêu cầu xét xử sẽ áp dụng các quy định thực chất của nước mình để xem xét thỏa thuận lựa chọn pháp luật của các bên có hiệu lực hay không. Tiêu biểu trong số các

6 Vụ Pháp luật Quốc tế, Bộ Tư pháp, Bản thuyết minh Đề xuất sửa đổi Phần 7 Bộ luật Dân sự 2005, Hà Nội, 2014.

7 Các căn cứ để xác định hợp đồng có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 663.

8 Được quy định tại Điều 6 BLDS 2015.

quốc gia này là Pháp và Mỹ⁹. Giải pháp này có ưu điểm là dễ áp dụng và bảo vệ được trật tự công của nước có tòa án xét xử. Tuy nhiên, nó lại không tôn trọng ý chí của các bên tham gia QHDS, vốn là một nguyên tắc cơ bản của lĩnh vực luật tư, đặc biệt là lĩnh vực hợp đồng.

Thứ hai, căn cứ vào luật do chính các bên lựa chọn, nghĩa là Tòa án được yêu cầu xét xử sẽ áp dụng pháp luật mà các bên lựa chọn để xem xét khả năng có hiệu lực của chính thỏa thuận đó. Giải pháp này được đề xuất bởi một số điều ước quốc tế về luật áp dụng¹⁰ có ưu điểm là tuyệt đối tôn trọng ý chí của các bên tham gia vào QHDS có YTNN nhưng có thể dẫn tới một nghịch lý. Chúng ta cùng xét một ví dụ sau: Trong một hợp đồng, các bên lựa chọn pháp luật nước A áp dụng cho hợp đồng của mình. Một tranh chấp xảy ra và được xét xử bởi Tòa án Việt Nam. Tòa án áp dụng pháp luật của nước mà các bên đã lựa chọn, tức pháp luật của nước A. Tuy nhiên, việc áp dụng pháp luật của nước A có hậu quả là hợp đồng của các bên bị vô hiệu. Khi hợp đồng bị vô hiệu thì không làm phát sinh hậu quả pháp lý, tức là điều khoản lựa chọn pháp luật nằm trong hợp đồng đó không có giá trị. Khi thỏa thuận lựa chọn luật không có giá trị thì không thể áp dụng pháp luật của nước mà điều khoản đó chỉ định. Mà không áp dụng luật do các bên lựa chọn thì rất có thể hợp đồng lại có hiệu lực theo pháp luật của một nước khác, chẳng hạn pháp luật của nước có Tòa án xét xử, hoặc pháp luật của nước mà quy phạm xung đột của nước có Tòa án xét xử dẫn chiếu tới.

Thứ ba, điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn pháp luật phải căn cứ vào luật đang được áp dụng nhất cho hợp đồng theo dẫn chiếu của quy phạm xung đột của nước có Tòa án xét xử, hay còn gọi là *lex causae*. Áp dụng cách giải quyết này cho trường hợp trên, ta sẽ xem xét vấn đề hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn pháp luật như sau: Nếu Tòa án Việt Nam được yêu cầu giải quyết tranh chấp, Thẩm phán Việt Nam sẽ dựa vào quy phạm xung đột của Việt Nam (tức các quy định trong phần thứ Năm của BLDS 2015) để xác định một hệ thống pháp luật đang được áp dụng nhất trong số các hệ thống pháp luật có thể được áp dụng cho hợp đồng của các bên. Khi xác định được chẳng hạn pháp luật của nước mà người bán có trụ sở đăng được áp

dụng nhất cho hợp đồng mà các bên đang tranh chấp, Tòa án sẽ căn cứ vào pháp luật nước đó để xem xét khả năng có hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn pháp luật của các bên. Nếu theo pháp luật nước đó, thỏa thuận lựa chọn pháp luật nước A để áp dụng cho hợp đồng là hợp pháp thì sẽ áp dụng pháp luật nước A để giải quyết vấn đề quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Hiện nay, tư pháp quốc tế của Việt Nam chưa đưa ra giải pháp cụ thể. Tuy nhiên, khảo sát các quy phạm xung đột trong phần thứ Năm của BLDS 2015, chúng tôi nhận thấy rằng dường như giải pháp thứ nhất, tức áp dụng luật của nước Tòa án xét xử vụ việc được ưu tiên. Như vậy, khi tranh chấp về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng được đưa ra xét xử trước Tòa án Việt Nam thì cần phải xem xét các yếu tố sau:

Về năng lực của các bên trong thỏa thuận

Thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng, dù là cho quan hệ hợp đồng, hay quan hệ ngoài hợp đồng, cũng đều là một dạng thỏa thuận dân sự, nên phải tuân theo các quy định về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự. Theo khoản 1 Điều 117 BLDS 2015, để có hiệu lực, thỏa thuận lựa chọn pháp luật phải đáp ứng được các điều kiện sau: “a) *Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập*; b) *Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện*; c) *Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội*”.

Ở đây, cần nhấn mạnh rằng, năng lực ký kết của chủ thể (tức năng lực hành vi dân sự đối với cá nhân và năng lực pháp luật dân sự đối với pháp nhân) được xác định theo pháp luật mà chủ thể đó có quốc tịch. Khi các chủ thể xác lập hành vi, tức ký thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho quan hệ của mình, trên lãnh thổ Việt Nam thì phải tuân theo pháp luật Việt Nam (Điều 674 và 676 BLDS 2015). Các quy định này không cho biết các chủ thể ngoài việc phải tuân theo pháp luật Việt Nam có còn phải tuân theo pháp luật mà mình có quốc tịch hay không. Lời văn của hai điều luật này dường như cho phép chúng ta hiểu rằng, các chủ thể khi xác lập hành vi tại Việt Nam thì chỉ phải tuân theo pháp luật Việt Nam.

9 Symeon C. Symeonides, *tlđđ*.

10 Symeon C. Symeonides, *tlđđ*.

Như vậy, một thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng có thể bị vô hiệu nếu căn cứ vào pháp luật mà một bên có quốc tịch, nhưng có thể không vô hiệu tại Việt Nam nếu thỏa thuận đó được xác lập tại Việt Nam và phù hợp với pháp luật Việt Nam về năng lực chủ thể.

Về nội dung của thỏa thuận

Pháp luật Việt Nam không có quy định cụ thể về nội dung và mục đích của thỏa thuận, cũng như không cho biết các bên có thể lựa chọn nhiều hệ thống pháp luật áp dụng cho quan hệ của mình hay không. Đây là điểm khác biệt của pháp luật Việt Nam với pháp luật của một số nước. Thật vậy, Điều 38 Luật Tư pháp quốc tế Cộng hòa Monténégro ngày 23 tháng 12 năm 2013 quy định: *“Hợp đồng được điều chỉnh bởi pháp luật do các bên lựa chọn. Sự lựa chọn này phải rõ ràng hoặc được suy ra từ các quy định của hợp đồng hoặc các hoàn cảnh cụ thể. Các bên có thể lựa chọn pháp luật áp dụng cho toàn bộ hoặc một phần hợp đồng. [...] Sự tồn tại của thỏa thuận và hiệu lực của thỏa thuận về luật áp dụng được điều chỉnh bởi Điều 14, khoản 2 Điều 44 và 45 của Luật này”*. Khoản 1 Điều 3 Nghị định Rome năm 2008 của Liên minh châu Âu về luật áp dụng cho nghĩa vụ hợp đồng cũng có quy định tương tự.

Như trên đã trình bày, thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho QHDS có YTNN là một dạng thỏa thuận dân sự. Trong QHDS, các bên được tự do thỏa thuận những gì pháp luật không cấm. Khảo sát pháp luật thực định Việt Nam, chúng tôi không thấy có bất kỳ quy định nào minh thị cấm các bên lựa chọn nhiều hệ thống pháp luật áp dụng cho QHDS của mình. Như vậy, việc các bên lựa chọn nhiều hệ thống pháp luật áp dụng cho quan hệ của mình là có thể chấp nhận được. Tuy nhiên, các bên trong QHDS có YTNN cần hết sức lưu ý khi lựa chọn giải pháp này, bởi nó đặt ra nhiều khó khăn trong thực tiễn. Trong thực tế, việc tìm kiếm và chứng minh pháp luật nước ngoài chưa bao giờ là công việc dễ dàng. Ở đây cần nhấn mạnh rằng, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đã bổ sung một quy định quan trọng, theo đó các bên không những có nghĩa vụ cung cấp pháp luật nước ngoài đã chọn mà còn phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và hợp pháp của pháp luật nước ngoài đã cung cấp¹¹. Ngoài ra, các hệ thống pháp luật khác nhau có thể có những quy định khác nhau,

trong khi đó, các nội dung của hợp đồng có thể có liên quan đến nhau và không thể áp dụng riêng rẽ từng hệ thống luật cho từng nội dung của hợp đồng. Sự khác nhau này có thể sẽ dẫn tới việc Tòa án không áp dụng được đồng thời các hệ thống pháp luật nước ngoài mà các bên đã lựa chọn và khi đó sẽ áp dụng pháp luật nước mình để giải quyết.

Về hình thức thể hiện của thỏa thuận

BLDS 2015 không có quy định cụ thể về hình thức của thỏa thuận lựa chọn pháp luật mà chỉ có quy định về pháp luật áp dụng đối với hình thức của hợp đồng. Thật vậy, khoản 7 Điều 683 quy định: *“Hình thức của hợp đồng được xác định theo pháp luật áp dụng đối với hợp đồng đó...”*. Thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng là một dạng thỏa thuận hợp đồng, nên có thể áp dụng quy định về hình thức của hợp đồng cho hình thức của thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng. Khi đó, nếu các bên lựa chọn pháp luật Việt Nam để điều chỉnh hợp đồng của mình, thì bản thân thỏa thuận lựa chọn pháp luật đó phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về hình thức.

Theo khoản 1 Điều 119 BLDS 2015: *“Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể...”*. Như vậy, thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho QHDS có YTNN có thể được lập thành văn bản, bằng lời nói hoặc bằng hành vi cụ thể. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, các văn bản luật chuyên ngành lại có những quy định khác biệt về hình thức của QHDS. Chẳng hạn, khoản 2 Điều 27 Luật Thương mại năm 2005 quy định: *“Mua bán hàng hóa quốc tế phải được thực hiện trên cơ sở hợp đồng bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương”*. Như vậy, có thể suy ra rằng thỏa thuận về luật áp dụng cho hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế cũng phải bằng văn bản nằm trong hợp đồng dưới dạng một điều khoản, hoặc trong một văn bản riêng.

Khảo cứu pháp luật nước ngoài chúng tôi thấy, một số điều ước quốc tế cũng như một số đạo luật về tư pháp quốc tế của một số quốc gia đã có những quy định rõ ràng hơn về vấn đề này. Thật vậy, Điều 7 Công ước Liên Mỹ về

¹¹ Khoản 1 Điều 481 BLTTDS 2015.

luật áp dụng cho hợp đồng quốc tế năm 1994¹² quy định: “Hợp đồng được điều chỉnh bởi luật do các bên lựa chọn. Thỏa thuận về sự lựa chọn này phải minh thị hoặc, nếu không có thỏa thuận, sự lựa chọn này phải được suy ra một cách rõ ràng từ hành vi cụ thể của các bên và từ các điều khoản hợp đồng đặt trong tổng thể với hợp đồng chứa chúng. Sự lựa chọn này có thể điều chỉnh toàn bộ hợp đồng hoặc một phần hợp đồng”. Trong thực tế không hiếm trường hợp các bên chỉ lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp mà không lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng của mình. Khi tranh chấp xảy ra và được giải quyết trước tòa án, một bên lập luận rằng thỏa thuận lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp tại Tòa án nước A hàm nghĩa lựa chọn pháp luật của nước A áp dụng cho hợp đồng, còn bên kia phản đối. Để giải quyết vấn đề này, đoạn tiếp theo của điều trên quy định: “Sự lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp không nhất thiết đồng nghĩa với sự lựa chọn pháp luật áp dụng”.

3. Hậu quả pháp lý của thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng khi hợp đồng bị vô hiệu

BLDS 2015 không cho biết thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng có hiệu lực không khi hợp đồng chứa nó bị vô hiệu. Pháp luật Việt Nam mới chỉ có quy định về sự độc lập của thỏa thuận trọng tài¹³ chứ chưa có quy định về sự độc lập của các thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cho hợp đồng. Chúng ta cùng xét tình huống sau. Hợp đồng mua bán hàng hóa được ký giữa một công ty của Việt Nam và một công ty của Trung Quốc. Bằng một điều khoản nằm trong hợp đồng, hai bên lựa chọn áp dụng pháp luật của Singapore. Tranh chấp xảy ra và được đưa ra giải quyết trước Tòa án Việt Nam. Tòa án Việt Nam nhận thấy thỏa thuận lựa chọn pháp luật của các bên là hợp pháp nên áp dụng pháp luật của Singapore. Tuy nhiên, khi áp dụng pháp luật của Singapore thì kết quả là hợp đồng bị vô hiệu. Câu hỏi đặt ra là, điều khoản lựa chọn pháp luật có bị vô hiệu cùng với hợp đồng hay không? Nói cách khác, liệu Tòa án có vô hiệu hóa thỏa thuận lựa chọn pháp luật của các bên hay không (vì hợp đồng chứa nó bị vô hiệu)? Nếu cho rằng thỏa thuận lựa chọn pháp luật là một bộ phận của hợp đồng thì khi hợp đồng bị vô hiệu, thỏa thuận

lựa chọn pháp luật cũng bị vô hiệu theo. Khi thỏa thuận lựa chọn pháp luật bị vô hiệu thì sẽ không làm phát sinh hậu quả pháp lý, tức là không dẫn tới việc áp dụng pháp luật mà thỏa thuận đó chỉ định. Mà khi không áp dụng pháp luật của nước do các bên thỏa thuận thì hợp đồng chưa chắc đã bị vô hiệu. Nói cách khác, chúng ta lại vấp phải mâu thuẫn như đã nêu trong phần trên. Khảo sát thực tiễn xét xử nước ngoài chúng tôi thấy, một số quốc gia đã chấp nhận từ rất sớm sự độc lập của điều khoản lựa chọn pháp luật áp dụng so với hợp đồng chứa nó. Nói cách khác, thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng không bị vô hiệu ngay cả khi hợp đồng chứa nó bị vô hiệu. Ví dụ được phân tích dưới đây cho thấy điều này.

Người nhận hàng (nguyên đơn) có trụ sở chính ở New York, Mỹ. Người chuyên chở (bị đơn) có trụ sở chính ở Nova Scotia, Canada. Hàng hóa là cá hồi được vận chuyển từ cảng Newfoundland (Canada) đến New York (Mỹ). Bộ vận đơn được phát hành tại cảng Newfoundland theo mẫu đã hết hiệu lực và không dẫn chiếu đến Công ước Bruxelles năm 1924 thống nhất một số quy tắc về vận đơn đường biển. Trong vận đơn quy định, luật điều chỉnh cho hợp đồng chuyên chở là luật của Anh.

Thực hiện hợp đồng, người nhận hàng đã trả toàn bộ tiền cước theo hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình chuyên chở, hàng hóa bị tổn thất do tàu bị mắc cạn. Nguyên nhân gây ra tổn thất là do lỗi của thuyền trưởng trong việc điều khiển con tàu. Lô cá hồi được chuyển sang một tàu khác để vận chuyển tiếp đến New York, Mỹ.

Vào thời điểm các bên ký kết hợp đồng chuyên chở, Anh và Canada đã là thành viên của Công ước Bruxelles năm 1924. Các quy tắc của Công ước Bruxelles được nội luật hóa trong Luật Chuyên chở hàng hóa bằng đường biển năm 1932 của Canada. Theo điều 3 Luật này, các vận đơn không

¹² Còn được gọi tắt là Công ước Mêhico 1994, vì được ký tại thành phố này năm 1994.

¹³ Điều 19 Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định: “Thỏa thuận trọng tài hoàn toàn độc lập với hợp đồng. Việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài”.

dẫn chiếu đến Công ước Bruxelles năm 1924 không có giá trị pháp lý.

Người nhận hàng Mỹ khởi kiện người chuyên chở Canada tại Tòa án Anh đòi bồi thường thiệt hại. Nguyên đơn cho rằng bộ vận đơn được phát hành theo mẫu đã hết hiệu lực và vi phạm Điều 3 Luật Chuyên chở hàng hóa bằng đường biển năm 1932 của Canada nên không có giá trị pháp lý. Điều khoản về luật áp dụng cho hợp đồng vì vậy cũng không có hiệu lực pháp lý.

Tòa án Anh lập luận rằng, vận đơn là bằng chứng của hợp đồng chuyên chở hàng hóa. Cho dù việc vận đơn không dẫn chiếu đến Công ước Bruxelles năm 1924 là vi phạm Điều 3 Luật Chuyên chở hàng hóa bằng đường biển năm 1932 của Canada, nhưng điều khoản về luật áp dụng cho hợp đồng chuyên chở được quy định trong vận đơn vẫn có giá trị hiệu lực pháp lý và ràng buộc các bên đương sự. Vì thế, luật của Anh là luật điều chỉnh cho hợp đồng¹⁴.

Một vài khuyến nghị thay cho kết luận

Về điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng: Khi Tòa án Việt Nam được yêu cầu xét xử, chúng ta nên xem xét điều kiện có hiệu lực của thỏa thuận lựa chọn pháp luật theo pháp luật của nước mà quy phạm xung đột của Việt Nam dẫn chiếu tới. Giải pháp này được coi là công bằng nhất cho các bên và phù hợp với tư pháp quốc tế hiện đại. Về hình thức của thỏa thuận, trước sự chưa rõ ràng của văn bản, các bên trong quan hệ hợp đồng có YTNN nên thể hiện thỏa thuận lựa chọn pháp luật áp dụng cũng như thỏa thuận thay đổi pháp luật áp dụng cho hợp đồng của mình bằng văn bản. Thỏa thuận này có thể là một điều khoản nằm trong hợp đồng hoặc một thỏa thuận tách rời khỏi hợp đồng.

Về khả năng chọn nhiều hệ thống pháp luật áp dụng cho hợp đồng: BLDS 2015 không đưa ra câu trả lời. Dựa vào nguyên tắc tự do thỏa thuận những nội dung mà pháp luật không cấm, thì việc lựa chọn nhiều hệ thống pháp luật áp

dụng cho hợp đồng là có thể. Tuy nhiên, theo chúng tôi, khi các bên thỏa thuận lựa chọn Tòa án để giải quyết tranh chấp thì chỉ nên lựa chọn một hệ thống luật duy nhất để áp dụng cho hợp đồng. Điều này có ý nghĩa thực tiễn bởi tìm kiếm và chứng minh pháp luật nước ngoài chưa bao giờ là công việc dễ dàng.

Về sự độc lập của thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng: Có lẽ chúng ta nên ghi nhận sự tồn tại độc lập của thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng (cũng như thỏa thuận chọn cơ quan giải quyết tranh chấp) so với hợp đồng. Giải pháp này giúp chúng ta tránh được mâu thuẫn do hậu quả của sự vô hiệu hợp đồng gây ra. □

QUYẾT ĐỊNH GIÁM ĐỐC THẨM SỞ...

(Tiếp theo trang 44)

Nếu tính theo kích thước giao đất cho ông Lan sử dụng (372m²) và giao cho ông Dũng sử dụng (691,2m²) tổng diện tích theo kích thước giao cho hai bên là 1063,2m². Đối chiếu Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 6/01/2009, xác định diện tích toàn bộ đất ông Lan đang quản lý là 1047,3m². Như vậy, tổng diện tích đất mà Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm giao và tạm giao cho 2 bên sử dụng không phù hợp với diện tích đo thực tế.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào khoản 3 Điều 291, khoản 3 Điều 297, Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2011),

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 180/2010/DSPT ngày 15/11/2010 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2009/DSST ngày 29/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa nguyên đơn là ông Hồ Minh Dũng, bà Phạm Thị Xuân với bị đơn là ông Hồ Văn Lan; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Tuyết.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. □

¹⁴ *Vụ Vita Food v Unus Shipping (1939). Nguồn: J Hill, The conflict of law, 3rd edition, OUP, 2006, tr.243. Trích từ: Nguyễn Bình Minh, Giải quyết xung đột pháp luật trong kinh doanh quốc tế: thực tiễn ở các nước Châu Âu và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, đề tài cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo, nghiệm thu năm 2010, tr. 49 và tiếp theo.*